

UBND TỈNH QUẢNG NINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**THỐNG KÊ CHI TIẾT GIẢI HSG THCS NĂM HỌC 2021 -2022**

**Đối tượng 1:** Thí sinh đoạt giải không phải là người dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo quy định tại Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐNN ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Đối tượng 2:** Thí sinh đoạt giải là người dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo quy định tại Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐNN ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (được thưởng bằng 1,5 lần mức thưởng của **Đối tượng 1**)

| Stt                                 | Tên đơn vị             | Đối tượng 1 |     |     |      | Đối tượng 2 |     |    |      | Tổng số giải | Tiền khen thưởng |             |               |
|-------------------------------------|------------------------|-------------|-----|-----|------|-------------|-----|----|------|--------------|------------------|-------------|---------------|
|                                     |                        | Nhất        | Nhì | Ba  | K.Kh | Nhất        | Nhì | Ba | K.Kh |              | Học sinh         | Giáo viên   | Tổng tiền     |
| II. GIẢI HSG THCS NĂM HỌC 2021-2022 |                        | 35          | 165 | 280 | 366  | 3           | 11  | 29 | 36   | 925          | 884,750,000      | 442,375,000 | 1,327,125,000 |
| 1                                   | Phòng GDĐT Ba Chẽ      | 0           | 2   | 5   | 6    | 0           | 0   | 0  | 4    | 17           | 14,000,000       | 7,000,000   | 21,000,000    |
| 2                                   | Phòng GDĐT Bình Liêu   | 0           | 0   | 2   | 0    | 0           | 6   | 11 | 19   | 38           | 46,250,000       | 23,125,000  | 69,375,000    |
| 3                                   | Phòng GDĐT Cẩm Phả     | 8           | 29  | 48  | 42   | 0           | 1   | 1  | 0    | 129          | 132,250,000      | 66,125,000  | 198,375,000   |
| 4                                   | Phòng GDĐT Cô Tô       | 0           | 0   | 0   | 2    | 0           | 0   | 0  | 0    | 2            | 1,000,000        | 500,000     | 1,500,000     |
| 5                                   | Phòng GDĐT Đàm Hà      | 0           | 5   | 7   | 10   | 0           | 0   | 1  | 1    | 24           | 21,750,000       | 10,875,000  | 32,625,000    |
| 6                                   | Phòng GDĐT Đông Triều  | 4           | 11  | 33  | 51   | 0           | 1   | 1  | 0    | 101          | 86,750,000       | 43,375,000  | 130,125,000   |
| 7                                   | Phòng GDĐT Hạ Long (A) | 10          | 33  | 60  | 76   | 0           | 0   | 0  | 0    | 179          | 167,500,000      | 83,750,000  | 251,250,000   |
| 8                                   | Phòng GDĐT Hạ Long (B) | 1           | 6   | 5   | 11   | 0           | 0   | 7  | 3    | 33           | 34,250,000       | 17,125,000  | 51,375,000    |
| 9                                   | Phòng GDĐT Hải Hà      | 2           | 13  | 21  | 34   | 0           | 0   | 1  | 3    | 74           | 65,250,000       | 32,625,000  | 97,875,000    |
| 10                                  | Phòng GDĐT Móng Cái    | 3           | 12  | 31  | 42   | 0           | 0   | 0  | 1    | 89           | 76,750,000       | 38,375,000  | 115,125,000   |
| 11                                  | Phòng GDĐT Quảng Yên   | 2           | 27  | 25  | 44   | 0           | 0   | 0  | 0    | 98           | 91,500,000       | 45,750,000  | 137,250,000   |
| 12                                  | Phòng GDĐT Tiên Yên    | 3           | 12  | 17  | 16   | 3           | 3   | 6  | 4    | 64           | 76,750,000       | 38,375,000  | 115,125,000   |
| 13                                  | Phòng GDĐT Uông Bí     | 1           | 9   | 15  | 23   | 0           | 0   | 0  | 0    | 48           | 42,000,000       | 21,000,000  | 63,000,000    |
| 14                                  | Phòng GDĐT Vân Đồn     | 1           | 6   | 11  | 9    | 0           | 0   | 1  | 1    | 29           | 28,750,000       | 14,375,000  | 43,125,000    |